

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn đơn vị tổ chức hành nghề đấu giá các căn hộ của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần tại dự án Nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ Eco Lakeview, 32 Đại Từ, Định Công, Hà Nội

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XIV ngày 17/11/2016;

Căn cứ Luật số 37/2024/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định 172/2024/NĐ-CP của Chính Phủ về việc quy định chi tiết một số điều của luật đấu giá tài sản số 01/2016/qh14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ tờ trình chủ trương bán 09 căn hộ của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP tại Dự án Nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ Eco Lakeview, 32 Đại Từ, Định Công, Hà Nội đã được HĐQT chấp thuận tại tờ trình ngày 29/8/2025;

Căn cứ tờ trình Phê duyệt giá khởi điểm của các căn hộ của Tổng công ty tại Dự án Nhà ở cao tầng kết hợp DVTM Ecolakeview tại số 32 Đại Từ, Định Công, Hà Nội đã được HĐQT phê duyệt ngày 02/10/2025;

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam -CTCP, địa chỉ: số 127 Lò Đúc, Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội. Thông báo công khai về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chuyên nghiệp để thực hiện đấu giá thanh lý với tiêu chí lựa chọn như sau:

1. Thông tin tài sản đấu giá:

Đấu giá từng căn hộ trong 9 căn hộ của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần tại Tòa nhà HH03 thuộc dự án Nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ Eco Lakeview, 32 Đại Từ, Định Công, Hà Nội.

(Có Phụ lục chi tiết thông tin tài sản và giá khởi điểm 09 căn hộ tại kèm theo)

2. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

- Mọi tổ chức hành nghề đấu giá đều được tham gia theo tiêu chí dưới đây
- Phải đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 36, các điểm a, b, e, i khoản 45, điểm h khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Điều 33 của Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 và các quy định liên quan như sau:



STT	Nội dung đánh giá	Mức tối đa	Điểm đánh giá
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đạt
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	Không đạt
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0	
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0	
1.1	- Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc - Không đáp ứng yêu cầu được 0 điểm	5,0	
1.2	- Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện - Không đáp ứng yêu cầu được 0 điểm	5,0	
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0	
2.1	- Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) - Không đáp ứng yêu cầu được 0 điểm	2,0	
2.2	- Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) - Không đáp ứng yêu cầu được 0 điểm	3,0	
3.	- Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên. - Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp - Không đáp ứng yêu cầu được 0 điểm	2,0	
4.	- Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến - Không đáp ứng yêu cầu được 0 điểm	1,0	
5.	- Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá - Không đáp ứng yêu cầu được 0 điểm	1,0	

III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0	
1.	- Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao - Không đáp ứng yêu cầu được 0 điểm	4,0	
1.1	- Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả - Không đáp ứng yêu cầu được 0 điểm	2,0	
1.2	- Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả - Không đáp ứng yêu cầu được 0 điểm	2,0	
2.	- Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ) - Không đáp ứng yêu cầu được 0 điểm	4,0	
3.	- Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá - Không đáp ứng yêu cầu được 0 điểm	4,0	
3.1	- Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật - Không đáp ứng yêu cầu được 0 điểm	2,0	
3.2	- Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá - Không đáp ứng yêu cầu được 0 điểm	2,0	
4.	- Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá - Không đáp ứng yêu cầu được 0 điểm	4,0	
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0	
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0	
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0	
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0	
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0	
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0	
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0	
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0	
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0	
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0	
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0	

3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0	
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0	
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0	
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0	
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0	
4.	- Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0	
4.1	- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0	
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3) / Y$		
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3) / Y$		
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0	
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 5 năm	4,0	
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0	
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0	
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0	

6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0	
6.1	01 đấu giá viên	2,0	
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0	
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0	
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0	
7.1	Dưới 05 năm	2,0	
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0	
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0	
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0	
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên	3,0	
8.2	Có từ 1 đến 3 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên	4,0	
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên	5,0	
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0	
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0	
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0	
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0	

V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0	
1.	- Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá (tài sản là Quyền sở hữu căn hộ chung cư do người có tài sản là doanh nghiệp có vốn nhà nước bán thông qua hình thức đấu giá) - Không đáp ứng yêu cầu được 0 điểm	2,0	
2.	- Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó trong 03 năm trước liền kề. - Không đáp ứng yêu cầu được 0 điểm	3,0	
3.	- Tổ chức đấu giá đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến tối thiểu trên 05 năm. - Không đáp ứng yêu cầu được 0 điểm	3,0	
Tổng số điểm		100	

*** Ghi chú:**

a) Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố và có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ hai tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trở lên có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố và có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì Hồ sơ đăng ký của Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chào mức thù lao dịch vụ đấu giá thấp hơn sẽ được lựa chọn.

b. Cuộc đấu giá thành quy định tại mục 1, mục 2, mục 3 và mục 4 phần IV là cuộc đấu giá có ít nhất một tài sản đấu giá thành. Cuộc đấu giá không thành quy định tại mục 1 Phần IV là cuộc đấu giá không có tài sản nào đấu giá thành và thuộc trường hợp quy định tại Điều 52 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 33 và điểm q khoản 45 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản.

c. Năm trước liền kề tại mục 4 phần II, mục 1, mục 2, mục 3, mục 4 và mục 9 phần IV được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12.

d. Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ tham gia lựa chọn từ ngày 01/01 đến ngày 31/3 hàng năm thì số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước được tính theo kỳ tính thuế của năm trước của năm liền kề. Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ tham gia lựa chọn từ ngày 01/4 hàng năm



trở đi thì số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước được tính theo kỳ tính thuế của năm trước liền kề.

e. Hồ sơ tham gia lựa chọn do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại bảng trên.

Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật, đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, đấu giá viên bị xử lý vi phạm hành chính; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị cơ quan có thẩm quyền xác định không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng đấu giá tài sản quốc gia trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trách nhiệm cung cấp các thông tin này.

f. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình. Người có tài sản đấu giá không được yêu cầu tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

g. Trường hợp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ mà tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có người đại diện theo pháp luật hoặc đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản do thực hiện hành vi nhân danh, vì lợi ích hoặc có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó bị trừ 50% tổng số điểm.

h. Trường hợp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ mà tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thuộc một trong các trường hợp sau thì thực hiện như sau:

- Có đấu giá viên của tổ chức mình bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản thuộc các trường hợp quy định tại điểm d và điểm đ khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 22 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 117/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã thì cứ mỗi đấu giá viên bị xử phạt vi phạm hành chính, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó bị trừ 5% tổng số điểm;

- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản thuộc các trường hợp quy định tại các điểm b, d, đ, h, i, k khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 24 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp

010
TỔNG
NGH
ÔNG T
VIR
TRU

tác xã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 117/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, trừ hành vi bị xử phạt quy định tại điểm c khoản này thì cứ mỗi hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó bị trừ 5% tổng số điểm.

- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia theo công bố của cơ quan có thẩm quyền thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó bị trừ 20% tổng số điểm, trừ trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này;

- Có đấu giá viên của tổ chức mình bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó bị trừ 20% tổng số điểm.

i. Trường hợp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ mà tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thuộc trường hợp đã bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này hoặc đã bị hủy bỏ kết quả lựa chọn quy định tại khoản 2 Điều 36 của Thông tư này thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó bị trừ 50% tổng số điểm.

k. Trường hợp đến hết ngày nộp hồ sơ tham gia lựa chọn mà chỉ có một tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đăng ký thì người có tài sản xem xét, quyết định lựa chọn tổ chức đó nếu đáp ứng quy định của Luật Đấu giá tài sản, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Thông tư này và pháp luật có liên quan.

3. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá:

3.1. Hồ sơ đăng ký:

a) Hồ sơ năng lực của tổ chức theo quy định
+ Đối với tổ chức lần đầu đăng ký phải xuất trình giấy tờ chứng minh về trụ sở của doanh nghiệp hành nghề đấu giá tài sản, Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu chứng chỉ hành nghề đấu giá của chủ doanh nghiệp đấu giá tư nhân, Chứng chỉ hành nghề đấu giá của thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc giám đốc của công ty đấu giá hợp danh.

+ Bản cam kết bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho hoạt động đấu giá tài sản.

b) Văn bản đề nghị được thực hiện cuộc đấu giá tài sản.

c) Phương án đấu giá khả thi và thù lao dịch vụ đấu giá

d) Đề xuất phương án giải quyết phát sinh trước, trong và sau phiên đấu giá.

e) Dự toán chi phí tổ chức thực hiện cuộc đấu giá.

f) Hồ sơ gồm 1 bộ gốc và 01 bộ sao, được để trong phong bì dán kín niêm phong.

3.2. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký của tổ chức hành nghề đấu giá:

a) Thời gian nhận hồ sơ: Tổ chức hành nghề đấu giá nộp hồ sơ trực tiếp từ 10 giờ 00 phút, ngày 03/10/2025 đến 17 giờ 00 phút, ngày 08/10/2025 (trong giờ hành chính trừ thứ bảy, chủ nhật).

102
CÔNG
ÁP VI
Y CÔ
aR
VG-T

- Địa điểm nộp: Tầng 14 Tòa nhà Vinafor, số 127 phố Lò Đúc, phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

- Điện thoại liên hệ: 0243.641.0799 (ext: 147) (Ông Phan Nhân Mỹ: 0983.395.493)

c) Hình thức nộp hồ sơ:

- Nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện

- Tổ chức tham gia nộp hồ sơ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính trung thực của hồ sơ, giấy tờ cung cấp.

- Hồ sơ đăng ký được gửi đến Tổng công ty sau thời hạn trên sẽ không được xem xét và loại bỏ.

Lưu ý:

- Người đến nộp hồ sơ trực tiếp phải mang theo giấy giới thiệu và bản photo thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu (mang bản gốc đi để đối chiếu);

- Kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chỉ được thông báo cho đơn vị được lựa chọn, hồ sơ đăng ký tham gia của tổ chức hành nghề đấu giá không được hoàn trả trong mọi trường hợp.

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam -CTCP thông báo để các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được biết và đăng ký tham gia.

Trân trọng! 

Nơi nhận:

- Cổng TTĐT về đấu giá tài sản (<https://dgts.moj.gov.vn>);
- Đăng tải Website Vinafor;
- Lưu: VT, KHĐT.

**TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP
VIỆT NAM -CTCP**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Quốc Khánh



PHỤ LỤC

Giá khởi điểm 09 căn hộ của TCT tại Dự án Nhà ở cao tầng kết hợp TMDV Ecolakeview tại số 32 Đại Từ, P.Định Công, TP. Hà Nội

STT	Tòa nhà	Căn hộ	Tầng	Số phòng ngủ	Diện tích (m2)	Số GCNQSDĐ	Đơn giá (đồng/m2) (đã bao gồm, tiền sử dụng đất, kinh phí bảo trì)	Giá bán (đồng) (đã bao gồm, tiền sử dụng đất, kinh phí bảo trì)	Thuế GTGT (đồng)	Giá bán khởi điểm (đồng) (đã bao gồm thuế GTGT và kinh phí bảo trì)	Đơn giá khởi điểm (đồng/m2) (đã bao gồm thuế GTGT và kinh phí bảo trì)
1	HH03	1901B- Đơn nguyên B	19	3	103,30	CV 337624	65.636.364	6.780.236.364	678.023.636	7.458.260.000	72.200.000
2	HH03	1902B- Đơn nguyên B	19	3	95,50	CV 337625	64.909.091	6.198.818.182	619.881.818	6.818.700.000	71.400.000
3	HH03	1903B- Đơn nguyên B	19	2	74,70	CV 337626	65.545.455	4.896.245.455	489.624.545	5.385.870.000	72.100.000
4	HH03	1904B- Đơn nguyên B	19	2	74,40	CV 337629	65.545.455	4.876.581.818	487.658.182	5.364.240.000	72.100.000
5	HH03	1905B- Đơn nguyên B	19	3	89,90	CV 337628	65.545.455	5.892.536.364	589.253.636	6.481.790.000	72.100.000
6	HH03	1906B- Đơn nguyên B	19	2	52,60	CV 337630	66.181.818	3.481.163.636	348.116.364	3.829.280.000	72.800.000
7	HH03	1907B- Đơn nguyên B	19	2	62,70	CV 337631	64.909.091	4.069.800.000	406.980.000	4.476.780.000	71.400.000
8	HH03	1908B- Đơn nguyên B	19	2	73,50	CV 337632	64.272.727	4.724.045.455	472.404.545	5.196.450.000	70.700.000
9	HH03	1909B- Đơn nguyên B	19	3	95,10	CV 337633	64.909.091	6.172.854.545	617.285.455	6.790.140.000	71.400.000
Tổng					721,70					51.801.510.000	

28